BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 183/2010/TTLT-BTC-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2010*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông, như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế do ngân sách nhà nước cấp hàng năm để thực hiện hoạt động khuyến nông thuộc các lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ, dịch vụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ.

3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ.

4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông.

3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Kinh phí khuyến nông Trung ương được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và thực hiện ở quy mô vùng, miền và quốc gia phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp toàn quốc theo chương trình, dự án khuyến nông được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Kinh phí khuyến nông hàng năm ưu tiên cho các lĩnh vực do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định (trong đó có lĩnh vực giảm tổn thất sau thu hoạch). Hoạt động khuyến nông theo quy mô vùng, miền, quốc gia do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định.

Kinh phí khuyến nông địa phương được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý và thực hiện tại địa phương phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của địa phương theo chương trình, dự án khuyến nông được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện phê duyệt. Kinh phí khuyến nông hàng năm ưu tiên cho các lĩnh vực do Chủ tịch UBND cấp tỉnh xác định (trong đó có lĩnh vực giảm tổn thất sau thu hoạch).

2. Dự án khuyến nông thực hiện theo phương thức xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với kinh phí khuyến nông Trung ương), Ủy ban nhân dân các cấp (đối với kinh phí khuyến nông địa phương).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chí, quy trình xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh các dự án khuyến nông Trung ương; Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định tiêu chí, quy trình xét chọn hoặc đấu thầu cạnh tranh các dự án khuyến nông địa phương.

Mọi tổ chức khuyến nông, người hoạt động khuyến nông được tham gia đấu thầu cạnh tranh, đăng ký xét chọn các dự án khuyến nông.

3. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.

4. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông Trung ương

Các tổ chức thực hiện và người sản xuất sử dụng kinh phí khuyến nông từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động khuyến nông phải thực hiện theo đúng định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành và theo đúng cam kết với cơ quan khuyến nông. Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung chi sau:

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo:

1.1. Đối tượng:

a) Người sản xuất, bao gồm: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa tham gia chương trình đào tạo dạy nghề do nhà nước hỗ trợ;

b) Người hoạt động khuyến nông là cá nhân tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ.

1.2. Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, gồm:

Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại; tiền ở (nếu có); chi khác: Khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

1.3. Mức hỗ trợ:

a) Đối với người sản xuất:

(1) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại tỉnh, thành phố; không quá

50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại huyện, thị xã; không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

(2) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% theo mức quy định tại tiết (1), điểm a, mục 1.3 trên đây;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí.

(3) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự đào tạo.

b) Đối với người hoạt động khuyến nông khi tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo được hỗ trợ:

(1) Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí.

(2) Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại tiết (1), điểm a, mục 1.3 trên đây.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 07/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020".

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định thời gian đào tạo, mức chi trả thù lao cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật của từng lớp học đối với những hoạt động khuyến nông phù hợp với yêu cầu của từng loại hình đào tạo.

2. Chi thông tin tuyên truyền: Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến; thông qua:

a) Phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trên các phương tiện thông tin đại chúng, tài liệu khuyến nông, Tạp chí khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện theo theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

Đối với Tạp chí khuyến nông: Căn cứ nhu cầu thông tin trên Tạp chí khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt đối tượng và kinh phí đặt hàng Tạp chí khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông trung ương, cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông Trung ương và cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ khuyến nông do Trung ương quản lý, Trung tâm khuyến nông tỉnh.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền phê duyệt đối tượng và kinh phí đặt hàng Tạp chí khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương, cung cấp cho các cơ quan quản lý nhà nước của địa phương, đơn vị sự nghiệp cung cấp dịch vụ khuyến nông do địa phương quản lý;

b) Diễn đàn khuyến nông: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống, báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo quy định tại mục 1.3, khoản 1, Điều 5 của Thông tư này; Mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Hội nghị: Hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông vùng. Mức chi theo quy định hiện hành;

d) Chi hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia: Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chi thông tin tuyên truyền hội chợ; chi hoạt động của Ban tổ chức;

đ) Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông cấp vùng, cấp quốc gia: Thông tin, truyên truyên, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo

chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi thức ăn, hóa chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); Chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thí sinh dự thi và chi khác;

e) Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có).

3. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông:

3.1. Nội dung:

a) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với quy mô cấp vùng, miền, quốc gia;

b) Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao;

c) Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

3.2. Mức hỗ trợ:

a) Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất quy mô cấp vùng, miền, quốc gia

(1) Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo, được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm các loại phân bón, hóa chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản); ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu; ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.

(2) Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến, nghề muối và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: ở địa bàn khó khăn huyện nghèo được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình; ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang hỗ trợ tối đa 75% chi phí, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình; ở địa bàn đồng bằng hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình.

(3) Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển gần bờ (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình; Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển xa bờ và tuyến đảo (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

(4) Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

(5) Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

b) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê;

c) Chi triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình, riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình. Trong đó mức chi hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn 25.000 đồng/người/ngày;

Quy mô mô hình, mức hỗ trợ, định mức cán bộ kỹ thuật, chi hướng dẫn kỹ thuật cho từng mô hình cụ thể do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét quyết định, đảm bảo phù hợp với tính chất của từng mô hình, nhưng không vượt quá tỷ lệ và mức hỗ trợ quy định tại Thông tư này.

4. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng: Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ. Mức chi 15 triệu đồng/1 mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng quy định tại điểm c, mục 1.3, khoản 1 Điều 5 của Thông tư này.

5. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông; áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông:

a) Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông quyết định lựa chọn thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp. Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc và trình độ của chuyên gia (đối với mức thuê chuyên gia từ 1.000 USD/người/tháng trở lên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

b) Trường hợp phải thuê chuyên gia có kinh nghiệm trong nước và nước ngoài để đánh giá hoạt động khuyến nông, căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thuê chuyên gia, hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp; mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu công việc và trình độ của chuyên gia.

Nguồn kinh phí chi thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông từ nguồn hỗ trợ xây dựng các chương trình dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá; quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư này.

8. Chi tham quan, học tập trong nước, nước ngoài:

- Chi tham quan học tập trong nước: Mức chi theo quy định hiện hành;

- Chi tham quan học tập nước ngoài: Theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

9. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành.

10. Chi quản lý chương trình dự án khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án khuyến nông; chi khác (nếu có). Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí;

b) Đối với tổ chức thực hiện dự án khuyến nông: Đơn vị triển khai thực hiện dự án khuyến nông được chi không quá 3% dự toán dự án khuyến nông (riêng dự án ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo được chi không quá 4%) để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

11. Chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông (nếu có).

Điều 6. Nội dung chi và mức chi hoạt động khuyến nông địa phương

Căn cứ quy định tại Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông và nội dung, mức hỗ trợ hướng dẫn tại Điều 5 của Thông tư này; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương cho phù hợp, để đạt được mục tiêu của khuyến nông.

Điều 7. Điều kiện để thực hiện các mô hình trình diễn khuyến nông; điều kiện tham gia triển khai các chương trình, dự án khuyến nông

1. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn:

- Có địa điểm để thực hiện mô hình trình diễn phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình;

- Cam kết đầu tư vốn cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật và dự án. Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư thực tế của chủ mô hình;

- Chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung của mô hình.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện triển khai chương trình, dự án khuyến nông:

- Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc chương trình, dự án khuyến nông;

- Đủ năng lực để thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn các đơn vị được tham gia các chương trình, dự án khuyến nông.

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Thông tư này hướng dẫn cụ thể một số nội dung, như sau:

1. Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ vào Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn lập dự toán ngân sách của Bộ Tài chính:

a) Đối với kinh phí khuyến nông trung ương: Căn cứ vào số kiểm tra về dự toán chi ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính thông báo; căn cứ chương trình, dự án khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt, định mức kinh tế kỹ thuật và mức chi quy định tại Thông tư này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khuyến nông để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Bộ; gửi Bộ Tài chính để tổng hợp trình Chính phủ theo quy định hiện hành.

Dự toán kinh phí khuyến nông tại điểm a khoản 1 Điều này phải lập theo từng chương trình, dự án và chi tiết theo nội dung chi quy định tại Điều 5 của Thông tư này;

b) Đối với kinh phí khuyến nông địa phương: Căn cứ số kiểm tra được cấp có thẩm quyền thông báo; định mức kinh tế kỹ thuật và mức chi do UBND cấp tỉnh quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập dự toán kinh phí khuyến nông, để tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước của Sở; gửi Sở Tài chính để tổng hợp vào

dự toán ngân sách của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định hiện hành.

Dự toán kinh phí khuyến nông tại điểm b khoản 1 Điều này phải lập theo từng chương trình, dự án và chi tiết theo nội dung chi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Điều 6 của Thông tư này.

2. Phân bổ và giao dự toán:

a) Đối với kinh phí khuyến nông trung ương:

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; căn cứ kết quả xét chọn, hoặc đấu thầu dự án khuyến nông; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện.

Đối với các đơn vị không trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho đơn vị dự toán trực thuộc Bộ để ký hợp đồng thực hiện. Phương án phân bổ kinh phí khuyến nông chi tiết theo chương trình, dự án; gửi Bộ Tài chính thẩm tra theo quy định.

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc (gồm: Đơn vị được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện và đơn vị được giao ký hợp đồng khuyến nông); đồng gửi Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, chi tiết theo chương trình, dự án để phối hợp thực hiện;

b) Đối với kinh phí khuyến nông địa phương:

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao; căn cứ kết quả xét chọn, hoặc đấu thầu dự án khuyến nông; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông thực hiện.

Đối với các đơn vị không trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho đơn vị dự toán trực thuộc Sở để ký hợp đồng thực hiện. Phương án phân bổ kinh phí khuyến nông chi tiết theo chương trình, dự án; gửi Sở Tài chính thẩm tra theo quy định.

Sau khi có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao dự toán kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc (gồm: Đơn vị được xét chọn hoặc trúng thầu các dự án

khuyến nông thực hiện và đơn vị được giao ký hợp đồng khuyến nông); đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch, chi tiết theo chương trình, dự án để phối hợp thực hiện.

Đối với việc lập, phân bổ, giao dự toán kinh phí khuyến nông địa phương cho cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tổ chức khuyến nông địa phương.

3. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi kinh phí khuyến nông theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, các định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Thông tư này;

b) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khuyến nông theo quy định tại Thông tư này được phản ánh và quyết toán vào Loại 010 khoản 014 "Các hoạt động dịch vụ nông nghiệp"; theo chương tương ứng của các Bộ, ngành, địa phương và chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước.

4. Quyết toán kinh phí khuyến nông

a) Báo cáo quyết toán: Các đơn vị được giao dự toán kinh phí khuyến nông lập báo cáo quyết toán theo đúng mẫu biểu, thời hạn nộp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Báo cáo quyết toán kèm theo danh mục các chương trình, dự án đã được giao trong năm thực hiện, quyết toán chi tiết theo nội dung chi quy định của Thông tư này;

b) Xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán: Việc xét duyệt và thẩm định quyết toán kinh phí khuyến nông hàng năm thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp; cụ thể:

- Đối với kinh phí khuyến nông trung ương:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo quy định;

Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán kinh phí hành chính, sự nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm cả kinh phí khuyến nông trung ương.

- Đối với kinh phí khuyến nông địa phương:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xét duyệt quyết toán năm cho các đơn vị dự toán trực thuộc theo quy định;

Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định quyết toán kinh phí hành chính, sự nghiệp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bao gồm cả kinh phí khuyến nông địa phương.

Điều 9. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện chương trình, dự án khuyến nông, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông đúng mục đích, có hiệu quả.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông trong phạm vi toàn quốc.

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá, định kỳ 6 tháng báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động khuyến nông tại địa phương.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư liên tịch số 30/2006/TTLT-BTC-BNN-BTS ngày 06/4/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư; Thông tư liên tịch số 50/2007/TTLT-BTC-BNN-BTS ngày 21/5/2007 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thủy sản sửa đổi, bổ sung Thông tư số 30/2006/TTLT-BTC-BNN-BTS ngày 06/4/2006 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với hoạt động khuyến nông, khuyến ngư.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Bùi Bá Bổng	**Trương Chí Trung**